

Bản án số: 74/2022/HSPT

Ngày: 22-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Công Thi**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 - 3 - 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 547/2021/TLPT-HS ngày 29-11-2021 đối với bị cáo **Nguyễn Văn B** cùng đồng phạm đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 19-10-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Các bị cáo kháng cáo:**

**1. Nguyễn X B**, sinh ngày 28-3-1994, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn Ngân hàng; con ông Nguyễn Văn A sinh năm 1972 và bà Võ Thị H, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 13-11-2019, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 2 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị bắt ngày 26-02-2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên, có mặt.

**2. Nguyễn Trọng N**, sinh ngày 08-11-1993 tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Tiếng A E; con ông

Nguyễn N T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 17-12-2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên, có mặt.

**3. Đỗ Công Vũ N**, sinh ngày 18-11-1991, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Đỗ Vũ T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt.

**4. Huỳnh Thị Phúc H**, sinh ngày 02-11-1995, tại Phú Yên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H (đều đã chết); chồng là Tống Văn K, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt.

*Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

- *Người bào chữa cho Nguyễn X B*: Luật sư **Lê Gia V** - Công ty Luật TNHH MTV P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, vắng có đơn xử vắng mặt

- *Người bào chữa cho Nguyễn Trọng N*: Luật sư **Nguyễn T H** - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Đỗ Công Vũ N*: Bà Phan Thị Thu T – Luật sư, Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt

Ngoài ra trong vụ án có người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án thẩm không triệu tập

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:*

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Công ty V) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng... theo Giấy phép số 64/GP-NHNN ngày 30-10-2017. Tháng 6-2018, Công ty tiến hành hoạt động cho vay tín chấp qua phần mềm ứng dụng cho vay trực tuyến (gọi tắt là S). Để vay trực tuyến, khách hàng tải ứng dụng S và cài đặt vào thiết bị thông minh kết nối Internet (máy vi tính, điện thoại di động...), nhập số điện thoại di động, đăng ký mật khẩu đăng nhập rồi điền thông tin cơ bản (họ tên, năm sinh, địa chỉ, nghề nghiệp...), số tiền vay, kỳ hạn, đồng thời chụp hai mặt Chứng minh nhân dân (sau đây viết tắt là CMND), Giấy chứng nhận đăng ký (sau đây viết tắt là GCNĐK) xe mô tô, chụp ảnh chân dung (selfe) trực tiếp qua ứng dụng, đăng ký kênh nhận giải ngân, thông tin tài khoản của

người thụ hưởng. Sau đó, ứng dụng tự động kiểm tra, duyệt giải ngân qua kênh mà khách hàng đã đăng ký.

Từ tháng 6-2018, Nguyễn X B được Công ty V ký hợp đồng tuyển dụng làm nhân viên, có nhiệm vụ hướng dẫn và lập hồ sơ vay vốn tiêu dùng của khách hàng trên địa bàn tỉnh Phú Yên. B biết ứng dụng S không kiểm tra được tính đúng đắn thông tin cá nhân, hình ảnh trên CMND và những loại giấy tờ khác mà người vay cung cấp để làm hồ sơ vay vốn, nên nảy sinh ý định làm giả hồ sơ vay để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty V. Từ tháng 6-2018 đến tháng 12-2018, B đã làm giả hồ sơ vay vốn của Công ty V để chiếm đoạt 145.000.000 đồng và bị Cơ quan điều tra Công an huyện T khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can. Trong thời gian B bị cấm đi khỏi nơi cư trú để phục vụ điều tra, B nói cho Nguyễn Trọng N (là bạn thân của B) biết sẽ tiếp tục dùng phần mềm Photoshop trên máy vi tính chỉnh sửa thông tin cá nhân (tên, số, địa chỉ, hình ảnh...) trên những CMND để làm hồ sơ vay vốn trên ứng dụng S để chiếm đoạt tiền của Công ty V, N đồng ý và nói B đến nhà N để thực hiện hành vi, đồng thời N cung cấp thông tin, CMND khách hàng của N cho B bằng cách cung cấp trực tiếp hoặc gửi qua Gmail: [Nguyen.financail@gmail.com.vn](mailto:Nguyen.financail@gmail.com.vn) của N. Từ tháng 04-2019 đến tháng 01-2020, B cùng Nguyễn Trọng N đã làm giả 455 giấy CMND và 32 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô rồi sử dụng các giấy tờ giả này lập 607 hồ sơ vay vốn với Công ty V trên ứng dụng S và được duyệt giải ngân 45 hồ sơ chiếm đoạt tổng số tiền 1.858.848.000 đồng, cụ thể:

- Từ tháng 4-2019 đến tháng 6-2019, Bùi Trọng N, Trần Phong L và Đỗ Công Vũ N có nhu cầu vay vốn Công ty V, nên nhờ B đăng ký hồ sơ vay theo quy định. B sử dụng điện thoại của mình chụp ảnh hai mặt CMND, GCNĐK xe mô tô và hình ảnh chân dung của N, L và Vũ N, lưu giữ trên máy vi tính cá nhân. Tiếp đó, B dùng phần mềm Photoshop trên máy vi tính chỉnh sửa thông tin cá nhân (tên, số, địa chỉ, hình ảnh,...) trên những ảnh CMND do Nguyễn Trọng N cung cấp, ghép ảnh chân dung của N, L và Vũ N tạo thành những ảnh CMND giả rồi yêu cầu N, Vũ N, L chụp ảnh selfe trên S để B làm hồ sơ vay vốn cho họ, nhưng thực tế để xác nhận hồ sơ vay vốn mà B đã làm. Sau đó, B nói với N, Vũ N và L là các hồ sơ vay của họ không được duyệt. Với thủ đoạn này, B cùng Trọng N đã lập 26 bộ hồ sơ vay mang các tên Phan Văn A (02 hồ sơ), Lê Hoàng S, Huỳnh Văn H, Cam Thành C, Võ Văn K, Trần Văn V, Nguyễn Vũ Q, Nguyễn Huy T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Vương Mạnh T, Nguyễn Văn V, Huỳnh Văn H, Đặng N H, Trần Đại H, Phạm Văn H, Nguyễn Hữu T, Lê Văn R, Huỳnh Tấn D, Diệp Tấn K, Cao T H, Bùi H L, Nguyễn Tấn T, Lê X M và được ứng dụng S duyệt giải ngân, chiếm đoạt tổng số tiền 1.011.900.000 đồng.

- Từ tháng 4-2019 đến tháng 12-2019, với thủ đoạn tương tự như trên, B và Nguyễn Trọng N tiếp tục làm hồ sơ đăng ký vay vốn trên ứng dụng S. Do không có khách hàng chụp ảnh selfie xác nhận trực tiếp, nên B sử dụng ảnh chân dung của các khách hàng đã lưu giữ từ trước, rửa thành nhiều ảnh có kích thước lớn hơn rồi dùng điện thoại thông minh tự chụp gián tiếp qua ảnh này để hoàn tất đăng ký hồ sơ vay trên ứng dụng S. Bằng thủ đoạn này, B và Trọng N đã lập 09 hồ sơ vay mang các tên Huỳnh Văn H, Lê Hoàng S, Huỳnh Thị P, Huỳnh Văn H, Nguyễn Thị Y, Trần Trọng N, Phạm Thu H, Nguyễn Văn P, Phạm Tấn H được ứng dụng S duyệt giải ngân, chiếm đoạt tổng số tiền 372.247.000 đồng.

- Từ tháng 8-2019 đến tháng 01-2020, B và Trọng N sử dụng thông tin cá nhân thật của các khách hàng trước đây mà B và N thu thập được, tiến hành đăng ký hồ sơ vay trên ứng dụng S theo đúng thông tin, hình ảnh cá nhân của họ. B rửa ảnh của những khách hàng này có kích thước lớn hơn rồi B tự chụp gián tiếp qua ảnh để xác nhận hồ sơ vay vốn trên ứng dụng S. Với thủ đoạn này, B và Trọng N đã lập 10 hợp đồng vay mang các tên khách hàng Lê Khắc H, Huỳnh Văn X, Trần Đại H, Trần Thị Như N, Võ Văn H, Trần Văn D, Bùi Trọng T, Huỳnh Tấn D, Nguyễn T T và Đặng Huy C, được ứng dụng S duyệt giải ngân, chiếm đoạt tổng số tiền 474.701.000 đồng.

Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, Nguyễn X B thông qua mạng xã hội nhờ Nguyễn Văn T và các đối tượng (không rõ nhân thân) giúp B mở 34 tài khoản ngân hàng H, 01 tài khoản B, 01 tài khoản V và 09 tài khoản M dựa trên thông tin khách hàng do B cung cấp. T nhờ Đào Trọng Q và Vũ Mai H là nhân viên Ngân hàng H mở 32 tài khoản H. B sử dụng các tài khoản này đăng ký làm tài khoản thụ hưởng. Sau khi Công ty V duyệt giải ngân các hợp đồng và chuyển tiền vào Ngân hàng thụ hưởng, B sử dụng Internet banking chuyển tiền từ các tài khoản thụ hưởng này sang các tài khoản số 19032509320969 tại Ngân hàng T đứng tên Cà Văn T (B mượn của Nguyễn Văn T), tài khoản số 030055887523 tại Ngân hàng S đứng tên Nghiêm Văn D, tài khoản số 190029040622021 và 19034772914019 tại Ngân hàng T đứng tên Trương T Việt và Thái Cẩm V. Các tài khoản này B mua của các đối tượng (chưa xác định nhân thân) qua mạng xã hội. Sau đó, B cùng với Trọng N đi đến các trụ ATM ở nhiều địa phương khác nhau (Đ, Q, T...) để rút 1.858.848.000 đồng. B đưa 400.000.000 đồng cho Phùng Thị Thu H cất giữ, đưa Huỳnh Huê L 300.000.000 đồng mua các đồ thờ cúng, phong thủy cho B, trả công cho Nguyễn Văn T 15.200.000 đồng, số tiền còn lại B và Trọng N trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Tháng 5-2019, Đỗ Công Vũ N có ý định vay tiền của Công ty V qua ứng dụng S, nhưng vì đang có nợ xấu nên không được giải ngân. Vũ N quen biết Nguyễn X B, vì trước đó có vay tiền Công ty V nên Vũ N nhờ B giúp đỡ. B nói muốn vay được tiền thì phải chỉnh sửa thông tin trên ảnh CMND, làm giả hồ sơ vay vốn thì Vũ N thống nhất

và chụp CMND của Vũ N đưa cho B sử dụng phần mềm Photoshop chỉnh sửa CMND của Vũ N từ số 221293709 thành số 221295789. Ngày 11-5-2019, B cùng Vũ N đăng nhập vào ứng dụng S, sử dụng CMND của Vũ N đã chỉnh sửa và sử dụng số điện thoại 0375091645 do Vũ N cung cấp, lập hồ sơ vay và được ứng dụng S duyệt, giải ngân 30.000.000 đồng. Vũ N rút toàn bộ sử dụng cá nhân rồi vứt bỏ sim để tránh sự phát hiện của Công ty V.

Tháng 6-2019, Huỳnh Thị Phúc H có nhu cầu vay tiền trên ứng dụng S, nhưng do có nợ xấu nên không được giải ngân. H và Nguyễn X B có mối quan hệ quen biết trước đây làm chung Công ty Tài chính Ngân hàng Q (Mcredit) nên H nhờ B giúp đỡ. B nói muốn vay thì làm giả CMND hoặc sử dụng thông tin, CMND của người khác và số điện thoại chưa đăng ký vay trên hệ thống S. Ngày 31-12-2019 và 06-01-2020, H cung cấp cho B thông tin hai khách hàng trước đây của H (gồm Nguyễn Tấn Q và Bùi Thị N). B và H đăng nhập vào ứng dụng S theo thông tin CMND của Nguyễn Tấn Q và Bùi Thị N và 02 số sim điện thoại 0383724083, 0399372527 để đăng ký 02 hồ sơ vay tổng cộng 94.422.500 đồng (hồ sơ Q 51.167.500 đồng, hồ sơ N 43.255.000 đồng). Tiếp đó, thông qua mạng xã hội, B gửi thông tin cá nhân của Q và N cho đối tượng (chưa rõ nhân thân) nhờ mở 02 tài khoản Viettelpay thuộc Ngân hàng Q số 9704229200947088 và số 9704229217633119 để đăng ký tài khoản thụ hưởng. Hai hồ sơ vay được ứng dụng S của Công ty V duyệt giải ngân tổng số tiền 94.422.500 đồng. H chuyển toàn bộ tiền vào tài khoản ATM số 59010000077280 đứng tên Hồ Hữu N. Sau đó, H rút hết tiền trong tài khoản rồi vứt bỏ thẻ ATM và sim điện thoại đã đăng ký hồ sơ vay nhằm tránh sự phát hiện của Công ty V.

Ngoài ra, B còn làm giả CMND đứng tên Nghiêm Văn D, lập 03 hồ sơ vay vốn của 03 công ty: Công ty TNHH MTV TMDV V, Công ty TNHH V, Công ty TNHH MTV TMDV D, chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

***Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 19-10-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:***

***1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:***

***- Nguyễn X B 15(mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 19 (mười chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 13-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-02-2020.***

*2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:*

*- Nguyễn Trọng N 11(mười một) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày 17-12-2020.*

*3. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:*

*- Đỗ Công Vũ N 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.*

*4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, n, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:*

*- Huỳnh Thị Phúc H 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.*

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.*

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công N và Huỳnh Thị Phúc H có đơn kháng cáo, cụ thể: Ngày 01-11-2021, Nguyễn X B và Nguyễn Trọng N kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 01-11-2021, Huỳnh Thị Phúc H kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 02-11-2021, Đỗ Vũ Công N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công N giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Huỳnh Thị Phúc H có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thị Phúc H; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công N, giữ nguyên quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt nghiêm khắc, trình bày về hoàn cảnh gia đình khó khăn, hối hận về hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về cộng đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm,*

[1]. Xem xét việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H, xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị Phúc H có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1, Điều 348; điểm đ khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H, phần Quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thị Phúc H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/3/2022.

[2]. Xem xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công, xét thấy, về tính chất hành vi phạm tội: Từ tháng 4-2019 đến tháng 01-2020, tại thành phố T và huyện P, tỉnh Phú Yên. Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Công Vũ N và Huỳnh Thị Phúc H làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; sử dụng thông tin cá nhân của người khác để làm hồ sơ vay vốn trên ứng dụng S, chiếm đoạt của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V tổng cộng 1.983.270.500 đồng. Trong đó, Nguyễn X B và Trọng N thống nhất làm giả 455 CMND và 32 GCNĐK xe mô tô rồi sử dụng các giấy tờ giả này lập 607 hồ sơ vay vốn, được duyệt giải ngân 45 hồ sơ, chiếm đoạt 1.858.848.000 đồng. Tiếp đó, Nguyễn X B và Vũ N thống nhất làm giả 01 CMND và sử dụng CMND giả này làm hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt 30.000.000 đồng; Nguyễn X B và Huỳnh Thị Phúc H thống nhất dùng thông tin của người khác làm hồ sơ vay tiền, chiếm đoạt 94.422.500 đồng. Ngoài ra, Nguyễn X B còn làm giả 01 CMND lập 03 hồ sơ vay vốn của Công ty TNHH MTV TMDV V, Công ty TNHH V, Công ty TNHH MTV TMDV D, chiếm đoạt 3.000.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N và Đỗ Vũ Công N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo Điều 174 và Điều 341 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Công Vũ N và Huỳnh Thị Phúc H là những người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc làm của mình. Các bị cáo đều biết rõ hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản; làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nhằm lừa dối người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích cá nhân, các bị cáo đã xâm phạm đến nhiều khách thể được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, mà còn gây

nhiều dư luận xấu trong nhân dân. Xét tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn X B 15(mười lăm) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và 04 (bốn) năm tù về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”*; xử phạt Nguyễn Trọng N 11(mười một) năm 06(sáu) tháng tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”*; xử phạt Đỗ Công Vũ N 09 (chín) tháng tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và 06 (sáu) tháng tù về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”*

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để xem xét về hình phạt đối với từng bị cáo.

- Đối với Nguyễn X B:

Trong lúc bị cáo Nguyễn X B đang bị Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Yên khởi tố, điều tra và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú về hành vi *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”*, nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm, mà từ tháng 4-2019 đến tháng 01-2020, bị cáo tiếp tục làm giả 51 hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt của Công ty V, Công ty TNHH MTV TMDV V, Công ty TNHH V, Công ty TNHH MTV TMDV D tổng số tiền là 1.986.270.500 đồng; làm giả 457 CMND và 32 GCNĐK xe mô tô rồi cùng đồng phạm sử dụng các giấy tờ giả này lập 613 hồ sơ vay vốn. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội 02 lần trở lên; số tiền bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn. Do đó, cần xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn X B.

- Đối với Nguyễn Trọng N:

Nguyễn Trọng N được Nguyễn X B nói cho biết việc B làm và sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để lừa dối, chiếm đoạt tài sản của các tổ chức tín dụng. Ngay lập tức, N tiếp nhận ý chí và đã cung cấp thông tin nhiều khách hàng của N, sau đó cùng B làm giả nhiều hồ sơ vay vốn, trực tiếp đi nhận nhiều thẻ ATM do B đặt và rút tiền về tiêu xài chung. Để thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, khi đi rút tiền N đều làm theo lời B dặn, mặc áo khoác, đeo kính che mặt và hủy các vật dụng này sau mỗi lần rút tiền và rút tiền ở nhiều địa phương khác nhau để tránh bị phát hiện. Từ tháng 4-2019 đến tháng 01-2020, Nguyễn Trọng N cùng với Nguyễn X B làm giả 455 CMND và 32 GCNĐK xe mô tô rồi sử dụng các giấy tờ giả này lập 607 hồ sơ vay vốn, được



duyet giải ngân 45 hồ sơ, chiếm đoạt của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V 1.858.848.000 đồng. Do đó, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là tương xứng, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng N.

- Đối với Đỗ Công Vũ N:

Đỗ Vũ Công N cùng Nguyễn X B làm giả hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty V số tiền 30.000.000 đồng; làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả này để thực hiện hành vi trái pháp luật. Bị cáo phạm nhiều tội, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Đỗ Công Vũ N 09 (chín) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” là tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đỗ Công Vũ N.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Công Vũ N không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm trách nhiệm bồi thường dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Công Vũ N phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[5]. Kiến nghị của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Tại Bản án sơ thẩm đã xét xử Huỳnh Thị Phúc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm do bị cáo H rút toàn bộ kháng cáo, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H, phần Quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thị Phúc H có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, xem xét hành vi của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H thấy rằng: Theo hồ sơ vụ án, do có nợ xấu không vay được tiền nên H nhờ Nguyễn X B làm giả 02 hồ sơ vay vốn, H đã có hành vi cung cấp cho B thông tin hai khách hàng trước đây của H (gồm Nguyễn Tấn Q và Bùi Thị N). B và H đăng nhập vào ứng dụng S theo thông tin CMND của Nguyễn Tấn Q và Bùi Thị N và 02 số sim điện thoại 0383724083, 0399372527 để đăng ký 02 hồ sơ vay tổng cộng 94.422.500 đồng (hồ sơ Q 51.167.500 đồng, hồ sơ N 43.255.000 đồng). Sau đó, thông qua mạng xã hội, B gửi thông tin cá nhân của Q và N cho đối tượng khác (chưa rõ nhân thân) nhờ mở 02 tài khoản Viettelpay thuộc Ngân hàng Q số 9704229200947088 và số 9704229217633119 để đăng ký tài khoản thụ hưởng. Hai

hồ sơ vay được ứng dụng S của Công ty V duyệt giải ngân tổng số tiền 94.422.500 đồng. H chuyển toàn bộ tiền vào tài khoản ATM số 59010000077280 đứng tên Hồ Hữu N rồi rút hết tiền trong tài khoản, vứt bỏ thẻ ATM và sim điện thoại đã đăng ký hồ sơ vay nhằm tránh sự phát hiện của Công ty V. Với hành vi nêu trên của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H, cho thấy bị cáo H đã có hành vi giúp sức cho bị cáo B để B làm giả 02 giấy CMND của Nguyễn Tấn Q và Bùi Thị N để làm 02 hồ sơ giả nhằm chiếm đoạt của Công ty V số tiền 94.422.500 đồng, nhưng hành vi đồng phạm giúp sức của Huỳnh Thị Phúc H chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Phú Yên xem xét, khởi tố, xử lý theo quy định của Bộ luật hình sự là bỏ lọt tội phạm, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại phần Bản án sơ thẩm, phúc thẩm theo trình tự Giám đốc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm, phúc thẩm, giao hồ sơ về lại cho cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, xem xét khởi tố bổ sung hành vi đồng phạm “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” đối với Huỳnh Thị Phúc H.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ khoản 1, Điều 348; điểm đ khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Phúc H, phần Quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thị Phúc H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/3/2022.

2/. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công N, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N, Đỗ Vũ Công N,

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn X B 15(mười lăm)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (**bốn**) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. tổng hợp hình phạt của 02 tội là 19 (**mười chín**) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (**bốn**) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 13-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 (**hai mươi ba**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-02-2020.

**2.2.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Trọng N 11(mười một)** năm 06(**sáu**) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là **14** (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày 17-12-2020.

**2.3.** Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đỗ Công Vũ N 09 (chín)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 01 (**một**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4. Về án phí hình sự phúc thẩm:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nguyễn X B, Nguyễn Trọng N và Đỗ Vũ Công N , mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- Trại Tạm giam, Công an tỉnh Phú Yên (03 bản, để giao cho bị cáo B, bị cáo Trọng N, mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo Công N và H (theo địa chỉ);
- L: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**